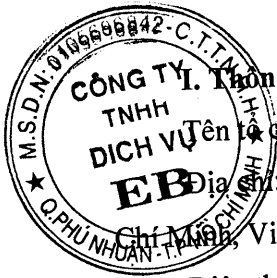


BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 53/EB/2018



I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm
Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB**
Địa chỉ: Số 163, Đường Phan Đăng Lưu, Phường 01, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 02839958368

Fax: 02839958423

Mã số doanh nghiệp: 0105696842

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP:; Ngày cấp:; Nơi cấp:

II. Thông tin về sản phẩm

- Tên sản phẩm: **Phô mai Comté Carrefour**
- Thành phần: PDO Comté – phô mai sữa bò chưa tiệt trùng, men.
- Thời hạn sử dụng sản phẩm: 60 ngày kể từ ngày sản xuất. Sử dụng tốt nhất trước ngày in trên bao bì sản phẩm

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: Khối lượng tịnh: 250 g/ túi
- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được chứa trong bao bì nhựa PE/ PP. Cam kết bao bì sử dụng đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

Sản xuất bởi: **Fromagerie de Clerval - 25340 Santoche (A)**

Địa chỉ: 738, Grande Voie, 25340 Pays de Clerval, France

Hoặc: **PFCE-25580 Guyans Durnes (B)**

Địa chỉ: Rue Vernier, 25580 Guyans-Durnes, France

Địa chỉ nhà sản xuất được ký hiệu ngay sau hạn sử dụng.

Xuất xứ: Pháp

III. Mẫu nhãn sản phẩm (Nhãn chính và nhãn phụ sản phẩm đính kèm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

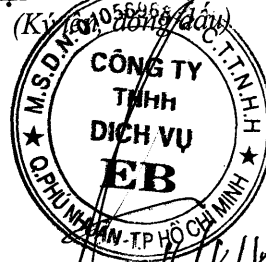
Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số:

+ QCVN 5-3:2010/BYT – Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia Đối Với Các Sản Phẩm
Phomat

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 08 năm 2018
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



CLAUDE RETY

Giám Đốc Phát Triển Ngành Hàng
Business Development Director

NỘI DUNG GHI NHÃN PHỤ SẢN PHẨM

Tên sản phẩm: Phô mai Comté Carrefour

Thành phần: PDO Comté – phô mai sữa bò chưa tiệt trùng, men.

Ngày sản xuất: .../.../...

Hạn sử dụng: 60 ngày kể từ ngày sản xuất. Sử dụng tốt nhất trước ngày in trên bao bì sản phẩm

Khối lượng tịnh: 250 g

Hướng dẫn sử dụng: Ăn ngay sau khi mở bao bì.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản ở nhiệt độ từ 4°C đến 8 °C.

Sản xuất bởi: Fromagerie de Clerval - 25340 Santoche (A)

Địa chỉ: 738, Grande Voie, 25340 Pays de Clerval, France

Hoặc: PFCE-25580 Guyans Durnes (B)

Địa chỉ: Rue Vernier, 25580 Guyans-Durnes, France

Địa chỉ nhà sản xuất được ký hiệu ngay sau hạn sử dụng.

Xuất xứ: Pháp

Thương nhân nhập khẩu và chịu trách nhiệm về sản phẩm: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ
EB

Địa chỉ: Số 163, Đường Phan Đăng Lưu , Phường 01, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh,
Việt Nam

Điện thoại: 02839958368

Fax: 02839958423

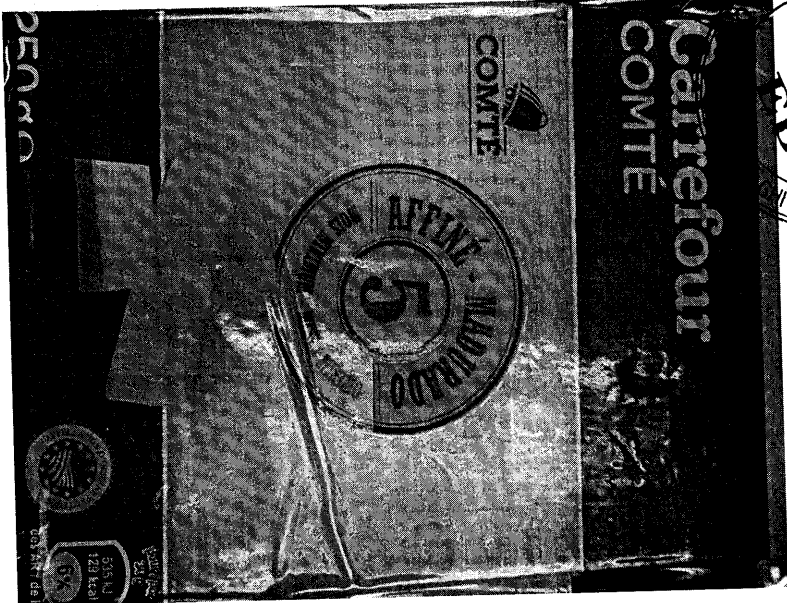


NHÃN CHÍNH SẢN PHẨM





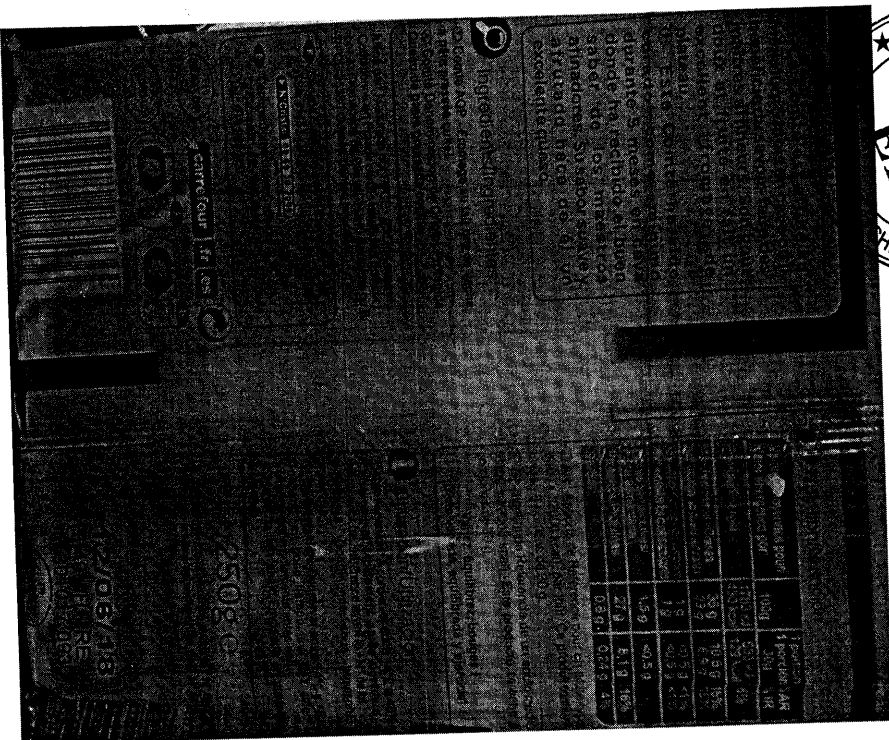
3560070930036- BẢN DỊCH NHẬN TIẾNG VIỆT



Phô mai Comté Carrefour	
Ủ trong 5 tháng	
Trong 30G 535kJ 129 kcal 6% RDI Trong 100g 1783kJ (430 kcal)	



3560070930036- BẢN DỊCH NHẬN TIẾNG VIỆT



Phô mai Comté được ủ trong thời gian ít nhất 5 tháng trong hầm ủ có bi quyết bậc thầy về ủ phô mai. Vị mềm và hương trái cây của sản phẩm làm cho nó trở thành 1 lựa chọn tuyệt vời.

Thành phần
PDO Comté – phô mai sữa bò chưa tiệt trùng, men.

Được ủ bởi A=Fromagerie de Clerval – 25340 Santoché hoặc B=PFCE-25580 Guyans Durnes cho CMI

Carrefour CSKH – Interdis
TSA 91431 – 91343 MASSY Cedex – France.
ĐIỆN THOẠI : 09 89 39 7000 (Miễn phí)

Dinh Dưỡng		100 g	1 phần ăn (30 g)	% RDI
Giá trị trung bình trong:				
Năng lượng		1783 kJ 430 kcal	535 kJ 129 kcal	6 %
Chất béo		35 g 23 g	10.5 g 6.9 g	15 % 35 %
Carbonhydrates		1 g	<0.5g <0.5g	<1% <1%
Đường		1 g		
Chất xơ		1.5 g	8.1 g	-
Đạm		27 g	8.1 g	16 %
Muối		0.8 g	0.24 g	4 %

RDI: chỉ số tiêu thụ tham chiếu hàng ngày cho chế độ ăn trung bình của người lớn (8400 kJ / 2000 Kcal).

Sản phẩm bao gồm 8 phần 30g.

Đa dạng, Cân Bằng, Di Chuyển!

Sử dụng

Bảo quản:

Bảo quản ở nhiệt độ từ 0°C đến +8°C.

Ăn ngay sau khi mở bao bì.

Sử dụng trước ngày/số lô:

Xem bên dưới

Được đóng gói trong môi trường có bảo hộ.

250g

Sử dụng trước ngày/số lô:

Số: 1805368/KQKN

Mã số: 1805066-36

Trang 1 | 2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng: **CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB**

Địa chỉ: 163 Phan Đăng Lưu, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP.HCM

Tên mẫu: **Phô mai Comté Carrefour**

Tình trạng mẫu: Mẫu thành phẩm, chứa trong bao bì kín, bảo quản lạnh

Ngày nhận mẫu: 09/05/2018 Thời gian thử nghiệm: 09/05 – 15/05/2018

Ngày trả kết quả: 16/05/2018

Kết quả: Xem trang 2/2

Ghi chú:

(*): Chỉ tiêu được VILAS công nhận theo ISO/IEC 17025:2005

KPH: không phát hiện. LOD: Giới hạn phát hiện

Các chỉ tiêu 18-20 có ngưỡng phát hiện = 10CFU/g

(a): Chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện

Phụ trách PTN



Nguyễn Kim Liễu



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Hồng

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm. Thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng

Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của giám đốc công ty TNHH DV KHCN Khuê Nam.



STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	PHƯƠNG PHÁP THỬ
01	Năng lượng	Kcal/100g	473	Được tính từ protein, carbohydrate và lipid
02	Protein	%	28.1	AOAC 991.20(*)
03	Hàm lượng chất béo sữa	%	35.7	Ref. AOAC 948.22 (*)
04	Carbohydrate	%	9.90	TCVN 4594:1988(*)
05	Độ ẩm	%	22.3	TCVN 7729:2007
06	NaCl	%	1.11	AOAC 937.09(*)
07	Aflatoxin M1	µg/kg	KPH (LOD=0.01)	Ref.AOAC 986.16
08	Chì (Pb)	mg/kg	KPH (LOD=0.01)	AOAC 999.11(*)
09	Benzylpenicilin	µg/kg	KPH (LOD=4.0)	TCVN 8106:2009
10	Tetracyclin	µg/kg	KPH (LOD=100)	TCVN 8106:2009
11	Streptomycin	µg/kg	KPH (LOD=200)	TCVN 8106:2009
12	Gentamicin	µg/kg	KPH (LOD=200)	TCVN 8106:2009
13	Spiramycin	µg/kg	KPH (LOD=200)	TCVN 8106:2009
14	Endosulfan	mg/kg	KPH (LOD=0.01)	Ref. AOAC 2007.01(a)
15	Aldrin và Dieldrin	mg/kg	KPH (LOD=0.006)	Ref. AOAC 2007.01(a)
16	DDT	mg/kg	KPH (LOD=0.02)	Ref. AOAC 2007.01(a)
17	Cyfluthrin	mg/kg	KPH (LOD=0.04)	Ref. AOAC 2007.01 (a)
18	<i>Listeria monocytogens</i>	CFU/g	Không phát hiện	ISO 11290-2:2004
19	<i>Escherichia coli</i>	CFU/g	Không phát hiện	ISO 16649-2:2001(*)
20	Staphylococci dương tính với coagulase	CFU/g	Không phát hiện	ISO 6888-1:2003(*)
21	Salmonella	/25g	Không phát hiện	ISO 6579:2007